

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (Nº): 26KMC/235676



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Đã qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH NGUYÊN PHÁT

Địa chỉ (Address): 8/13 Đại lộ Bình Dương, Khu phố Tây, Phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): Xe lu rung

Nhãn hiệu (Trade mark): MIKASA

Tên thương mại (Commercial name): MRH-601

Số khung (Chassis Nº): Z3140

Nước sản xuất (Production country): JAPAN

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration Nº/date): 108241305760/15/05/2026

Số biên bản kiểm tra (Inspection record Nº): 009259/26MC-077/004

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 01/06/2026 / Thành phố Hồ Chí Minh

Số đăng ký kiểm tra (Registered Nº for inspection): 009259/26MC

Mã kiểu loại (Model code): MRH-601DS

Màu xe (Vehicle color): Xanh

Số động cơ (Engine Nº): E756EU0987

Năm sản xuất (Production year): Không xác định

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	536	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	2265 x 692 x 1195	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	E75-E3-NB3, 4 kỳ, 1 xi lanh	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	4,6/2500	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):	3	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	10,8	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	—	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	55	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	1/355x650	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	1/355x650	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2026

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

**TL. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
TRƯỞNG PHÒNG PTGT ĐƯỜNG BỘ**



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 03/06/2026
07:59:32

Nguyễn Đan Quế

Ký bởi: Nguyễn Đan
Quế
Email:
quend.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG
KIỂM VIỆT NAM, BỘ
XÂY DỰNG
Thời gian:
03/06/2026 07:59:30

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3920367